

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/KDTM – PT

Ngày: 11 – 4 – 2024

V/v “*Tranh chấp giữa thành viên
công ty với công ty về phân chia
lợi nhuận vốn góp*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2023/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty về phân chia lợi nhuận vốn góp*”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1011/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim G**, sinh năm 1965; Địa chỉ: 3, đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Ngọc T, sinh năm 1975; Địa chỉ: 2, đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) A; Địa chỉ: 52/4, đường Đ, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Hữu T1; Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

2. Ông Lê Văn B; Địa chỉ: số A, dõc T, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty TNHH A và ông Lê Văn B: Ông Bùi Tiến M, sinh năm 1985; Địa chỉ: A, khu dân cư P, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người kháng cáo:

1. Ông Hà Ngọc T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim G;

2. Công ty TNHH A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH A (gọi tắt là: Công ty A), mã số doanh nghiệp C1, đăng ký thành lập lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2003, điều lệ công ty lập từ năm 2003 đến nay chưa thay đổi. Công ty Đ thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ là 19.800.000.000 đồng do 06 thành viên góp vốn như sau:

1. Ông Lê Văn B góp 7.920.000.000 đồng = 40% vốn điều lệ;
2. Bà Phạm Thị Kim G góp 6.534.000.000 đồng = 33% vốn điều lệ;
3. Bà Nguyễn Thị Bích H góp 1.980.000.000 đồng = 10% vốn điều lệ;
4. Bà Phạm Thị Ái L góp 1.584.000.000 đồng = 08% vốn điều lệ;
5. Ông Lê Văn D góp 990.000.000 đồng = 05% vốn điều lệ
6. Bà Nguyễn Thị L1 góp 792.000.000 đồng = 04% vốn điều lệ.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Hà Hữu T1, chức vụ: Giám đốc.

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty C2 là cho thuê nhà xưởng và có lợi nhuận, các cổ đông đều được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp của mình. Tuy nhiên, lợi nhuận trên phần vốn góp của bà Phạm Thị Kim G và bà Phạm Thị Ái L thì ông Lê Văn B (chủ tịch hội đồng thành viên) giữ lại và không phân chia. Hành vi của những người đại diện điều hành Công ty A là trái với Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 10 tháng 3 năm 2020, vì theo nội dung biên bản thì hội đồng thành viên đã nhất trí về việc phân chia lợi nhuận hàng tháng cho các thành viên sau khi trừ các chi phí hợp lý.

Bà G chưa được phân chia lợi nhuận từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi bà G khởi kiện vào tháng 01 năm 2023, nay, bà G yêu cầu Công ty A và cá nhân ông Lê Văn B phải thanh toán lợi nhuận cho bà G theo tỷ lệ vốn góp và đã được công ty tính toán như sau:

Theo báo cáo tài chính của bộ phận kế toán và đã được người đại diện cho công ty Đ xác nhận thì lợi nhuận tính trên vốn góp của bà G như sau:

- + Lợi nhuận tháng 9 năm 2022: 264.000.000 đồng;
- + Lợi nhuận tháng 10 năm 2022: 264.000.000 đồng;
- + Lợi nhuận tháng 11 năm 2022: 264.000.000 đồng;

+ Lợi nhuận tháng 12 năm 2022: 264.000.000 đồng;

+ Lợi nhuận tháng 01 năm 2023: 264.000.000 đồng;

Tổng cộng: 1.320.000.000 đồng.

Ông Lê Văn B đã chỉ đạo giữ lại toàn bộ số tiền trên nên bà G yêu cầu công ty phải giao lại số tiền 1.320.000.000 đồng cho bà G.

Tại thời điểm khởi kiện thì bà G chưa biết báo cáo tài chính tháng 02 năm 2023 của Công ty A, sau khi Tòa án thụ lý bà G mới biết báo cáo tài chính của Công ty, phần lợi nhuận trên tỷ lệ vốn góp của bà G tháng 02 năm 2023 là 264.000.000 đồng. Do đó, người đại diện hợp pháp của bà G yêu cầu Công ty A phải trả lại cho bà G lợi nhuận trên tỷ lệ vốn góp từ tháng 09 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 với số tiền là 1.584.000.000 đồng; Yêu cầu cá nhân ông B phải trả lại lợi nhuận vốn góp của bà L cho công ty với số tiền là 2.177.270.814 đồng.

Đến ngày 17 tháng 03 năm 2023, bà G đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn C 30% vốn góp và tặng cho ông Nguyễn Trọng Minh S 03% vốn góp. Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho chưa đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế bà G không còn vốn góp trong Công ty A. Do đó, bà G yêu cầu Tòa án triệu tập ông Trần Văn C và ông Nguyễn Trọng Minh S tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 10 tháng 6 năm 2023, người đại diện hợp pháp của bà G có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Lê Văn B thanh toán lợi nhuận phần vốn góp của bà Phạm Thị Ái L cho Công ty A với số tiền là 2.177.270.814 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH A do ông Hà Hữu T1, chức vụ: Giám đốc đại diện và cá nhân ông Lê Văn B, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên có người đại diện hợp pháp của Công ty A và ông Lê Văn B là ông Bùi Tiến M trình bày:

Thông nhất ý kiến của nguyên đơn về việc Công ty A đăng ký thành lập lần đầu ngày 1 tháng 3 năm 2003, điều lệ công ty lập từ năm 2003 đến nay chưa thay đổi. Công ty Đ thay đổi lần thứ 09 ngày 21/12/2015, có 06 thành viên góp vốn; Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 3 năm 2023, người đại diện theo pháp luật là ông Hà Hữu T1 (chức vụ: Giám đốc), ông Lê Văn B là Chủ tịch hội đồng thành viên.

Công ty A giữ lại lợi nhuận trên vốn góp của bà G, vì lý do bà G vay của công ty với số tiền 20.000.000.000 đồng nhưng bà G không hợp tác với công ty để giải quyết. Ngoài ra, hiện tại công ty còn có nghĩa vụ thi hành án với số tiền hơn 139.000.000.000 đồng, nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (V) số tiền 302.000.000.000 đồng. Ngoài ra, công ty còn phải giữ lại một phần lợi nhuận để đầu tư lại hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Công ty A phải giữ lại toàn bộ lợi nhuận của bà G, bà L để xử lý công việc chung của công ty mà không phân chia.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 68; khoản 2 Điều 92; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, các Điều 266, Điều 268, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 62 của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim G về việc yêu cầu ông Lê Văn B phân chia lợi nhuận phần vốn góp của bà Phạm Thị Ái L trong Công ty TNHH A từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim G đối với Công ty TNHH A về việc thanh toán phần lợi nhuận vốn góp từ tháng 09 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023.

Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho bà Phạm Thị Kim G số tiền 1.320.000.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, lãi suất, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự có đơn kháng cáo như sau:

1/. Ngày 13 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim G do ông Hà Ngọc T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Do không đồng ý việc Tòa sơ thẩm buộc Công ty A thanh toán lợi nhuận cho bà G từ tháng 09 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023 với số tiền 1.320.000.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng). Theo đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc Công ty A thanh toán cho nguyên đơn bà G số tiền lợi nhuận từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 với số tiền 1.584.000.000 đồng.

2/. Ngày 15 tháng 9 năm 2023, ông Bùi Tiến M là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty A có đơn kháng cáo, đến ngày 06 tháng 11 năm 2023, Công ty A có đơn sửa đổi đơn kháng cáo (theo yêu cầu sửa đổi đơn kháng cáo của Tòa án cấp sơ thẩm), với lý do kháng cáo: Không đồng ý đối với quyết định của án sơ thẩm, nên kháng cáo với nội dung như sau:

- Vì sai phạm hệ thống PCCC doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính giai đoạn này bà G làm giám đốc cùng chồng là Nguyễn Trọng L2 nhận trách nhiệm toàn bộ việc xây dựng kho xưởng và hoàn thiện các thủ tục pháp lý khác. Năm 2012, trong khi Công ty A được tạo điều kiện hoạt động trở lại, vợ chồng bà G không giao lại con dấu, giấy phép kinh doanh, không báo cáo thu chi và phân chia tiền thuê kho thu được từ năm 2003 đến cuối năm 2011. Lúc này ông Lê Quang T2 là Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty khởi kiện bà G và

chồng là ông L2 trả lại tiền lợi nhuận cho thuê kho xưởng đã quản lý điều hành. Đến tháng 5 năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm buộc bà G ông L2 trả tiền đang giữ và phân chia cho các thành viên khác. Tại các buổi họp các thành viên khác thống nhất không chia lợi nhuận cho thành viên còn nợ để cản trở công nợ tại công ty. Tuy nhiên, đến tháng 08 năm 2022, sau quá trình tìm kiếm hồ sơ chứng từ có liên quan đến kinh doanh nông sản tại Công ty A để nộp cho Cơ quan điều tra C03 – Bộ C3, mọi người tình cờ phát hiện Biên bản họp thành viên ngày 12 tháng 10 năm 2009 có nội dung hoàn toàn khác với Biên bản họp thành viên ngày 12 tháng 9 năm 2009 mà bà G và ông L2 đã cung cấp. Biên bản họp này cho thấy, thỏa thuận tiền thuê kho để cản trở nợ ngày 12 tháng 9 năm 2009 không còn giá trị, các bên thỏa thuận thay đổi là tiền kinh doanh kho phải được thanh toán đầy đủ. Vậy việc giữ lại tiền thuê kho của các thành viên khác, gồm ông D 5% và bà Ái L (bỏ trốn) là 8% bù trừ vào công nợ Công ty là không đúng, bà G và ông L2 không có quyền giữ lại khoản tiền này. Các khoản nợ Công ty bất động sản Hữu nghị theo bản án số 14/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có hiệu pháp luật, đây là nghĩa vụ chung của Công ty A.

Hiện cơ quan thi hành án Dân sự thành phố D đã và đang tổ chức thi hành đối với Công ty A. Trong khoản thời gian bà G làm giám đốc có vay Công ty số tiền hơn 20.000.000.000 đồng kinh doanh chứng khoán cafe với những văn bản xác nhận nợ rõ ràng, nhưng bà G không hợp tác với Công ty, đổ lỗi cho vợ chồng tội phạm bỏ trốn chịu trách nhiệm, tìm mọi cách thoái thác trách nhiệm. Công ty P đang nợ Ngân hàng V số tiền nợ gốc 93.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng từ năm 2008 và nợ Ngân hàng Liên doanh V1 số tiền 34.000.000.000 đồng, đang trong quá trình giải quyết. Từ giữa năm 2022, Cơ quan điều tra C03 – Bộ C3 nhiều lần gọi điện cho Công ty A và cá nhân ông Lê Văn B đến làm việc về số tiền nợ tại Ngân hàng Liên doanh V2, Cơ quan điều tra cũng yêu cầu nguồn tiền thu được từ cho thuê kho xưởng phải được giữ lại để đảm bảo trả nợ. Cơ quan điều tra sẽ xem xét số tiền này trong quá trình điều tra lại vụ án hình sự liên quan đến H1 và trách nhiệm khắc phục trả nợ dân sự của Công ty A.

Đây là các lý do để Công ty A và các thành viên còn lại của Công ty A thống nhất giữ lại tiền chia lợi nhuận của bà G nhằm đảm bảo quá trình giải quyết công nợ của Công ty A mà bà G là người có liên quan trực tiếp.

Với các viện dẫn vừa nêu bị đơn cho rằng Tòa sơ thẩm giải quyết là không có căn cứ, chưa đúng sự thật khách quan. Bỏ qua việc xem xét, đánh giá chứng cứ bị đơn cung cấp và không liên hệ với cơ quan khác để làm rõ nội dung Công ty A cung cấp. Do vậy, bị đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hà Ngọc T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn có kháng cáo, trình bày: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm và yêu cầu trong đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, sửa bản án

sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho bà Phạm Thị Kim G số tiền lợi nhuận của các tháng 9, 10, 11, 12 năm 2022 và 01, 02 năm 2023 với tổng số tiền là 1.584.000.000 đồng theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 17 tháng 4 năm 2023.

Ông Bùi Tiến M là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn có kháng cáo, trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời trình bày bổ sung, hiện nay theo Quyết định thi hành án số 944/QĐ-CCTHADS ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương thì Công ty A phải thanh toán cho Công ty TNHH B1 số tiền 139.807.360.731 đồng. Theo Thông báo thụ lý vụ án số 122/TB-TLVA ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty A là nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Phạm Thị Kim G, ông Nguyễn Trọng L2 phải trả Công ty A số tiền nợ gốc là 20.470.325.600 đồng và nợ lãi tạm tính tính từ tháng 11 năm 2009 đến tháng 11 năm 2023 số tiền là 30.951.132.240 đồng. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đang thụ lý giải quyết vụ án kinh doanh thương mại theo hồ sơ thụ lý số 28/2015/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2015 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là: Ngân hàng TMCP N (V3) với bị đơn là Công ty A, theo Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lập ngày 11 tháng 3 năm 2024 thì Ngân hàng V3 yêu cầu Công ty A1 trả số tiền nợ vay gốc là 93.630.908.030 đồng và lãi đến nay cộng chung với tổng dư nợ Công ty A phải thanh toán cho Ngân hàng V3 là 315.434.213.257 đồng.

Vì thế, việc Công ty A giữ lại tiền của bà G là có căn cứ, nhằm đảm bảo quá trình giải quyết công nợ của Công ty A mà bà G là người có liên quan trực tiếp. Phía bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G nếu không thì hủy án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về nội dung: Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Công ty A thì các thành viên thống nhất tạm nhận trước phần lợi nhuận nhưng việc tạm phân chia lợi nhuận này chưa được thể hiện bằng Nghị quyết của Hội đồng thành viên nên công ty A chưa có cơ sở để thực hiện việc phân chia lợi nhuận cho các thành viên.

Đồng thời, Công ty A còn nợ nhiều khoản tiền rất lớn chưa thanh toán và đang thi hành án theo bản án số 14/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật, đây là nghĩa vụ mà Công ty A chưa hoàn thành, nên việc Công ty A2 thực hiện việc chia lợi nhuận cho các thành viên là vi phạm quy định pháp luật tại

Điều 69 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy bản án sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện các tình tiết khách quan của vụ án, kháng cáo Công ty A là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của bà G, chấp nhận kháng cáo của công ty A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục:

Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 31 tháng 8 năm 2023 đến ngày 13 tháng 9 năm 2023 nguyên đơn có đơn kháng cáo, đến ngày 15 tháng 9 năm 2023, đại diện bị đơn có đơn kháng cáo.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, Tòa sơ thẩm ra Thông báo số 54/TB-TA về việc sửa đổi đơn kháng cáo và ngày 06 tháng 11 năm 2023, bị đơn có đơn sửa đổi đơn kháng cáo nên kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đều hợp lệ, được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đối với kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, xét:

[1] Ngày 10 tháng 4 năm 2023, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện do bà G nộp ngày 16 tháng 12 năm 2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 3 năm 2023, với yêu cầu Công ty A thanh toán lợi nhuận phần vốn góp của bà G từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023 với số tiền là 1.320.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông B trả lại cho Công ty lợi nhuận phần vốn góp của bà L với số tiền là 2.177.270.814 đồng.

Xét, tại văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 12 năm 2022 bà G ủy quyền cho ông Hà Ngọc T được quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án (tức là theo đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý), không có nội dung ủy quyền ký đơn khởi kiện bổ sung vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, ông T có quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông B, Tòa án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút (yêu cầu ông B thanh toán cho Công ty phần lợi nhuận vốn góp của bà L số tiền 2.177.270.814 đồng); đối với phần yêu cầu bổ sung của ông T: Yêu cầu Công ty A thanh toán lợi nhuận phần vốn góp từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 của bà G với số tiền 1.584.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa sơ thẩm không xét yêu cầu bổ của ông T là đúng quy định. Cho nên, ông T đại diện bà G tiếp tục kháng cáo yêu cầu Công ty A thanh toán phần lợi nhuận vốn góp của bà G từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và vượt quá phạm vi được ủy quyền nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Công ty A có vốn điều lệ là 19.800.000.000 đồng, do 06 thành viên góp vốn, trong đó bà Phạm Thị Kim G góp 6.534.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ

33%. Chủ tịch hội đồng thành viên là ông Lê Văn B. Người đại diện theo pháp luật của Công ty A là ông Hà Hữu T1, chức vụ: Giám đốc.

[2.1] Bà G yêu cầu Công ty A phải có trách nhiệm thanh toán cho bà G lợi nhuận phần vốn góp của bà G từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023, do Biên bản họp của Hội đồng thành viên của Công ty A ngày 10 tháng 3 năm 2020 các thành viên thống nhất tạm phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp, theo đó lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của bà G (sau khi đã trừ các chi phí hợp lý) tổng cộng là 1.320.000.000 đồng.

[2.2] Nguyên đơn bà G chứng minh Công ty A có lợi nhuận với số tiền cụ thể, rõ ràng và yêu cầu chia lợi nhuận trên phần vốn góp, đồng thời trình bày bị đơn đưa ra nhiều khoản nợ chưa rõ ràng, số tiền nợ đứng tên Công ty A nhưng thực tế là trách nhiệm của cá nhân các thành viên công ty và có khoản nợ còn đang bị cơ quan Công an xem xét điều tra vì có dấu hiệu phạm tội hình sự.

Bị đơn Công ty A không đồng ý yêu cầu của bà G. Người đại diện hợp pháp của bị đơn nộp các tài liệu chứng minh Công ty A còn nhiều khoản nợ. Tại cấp phúc thẩm người đại diện Công ty A tiếp tục đưa ra chứng cứ chứng minh Công ty A còn nhiều khoản nợ chưa giải quyết dứt điểm như nêu trên là có căn cứ, theo quy định pháp luật, Công ty không được phân chia lợi nhuận khi chưa giải quyết các khoản nợ nêu trên. Song, do tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 10 tháng 03 năm 2020, các thành viên đã “...*thống nhất...về sửa chữa nâng cấp nhà kho (nhà xưởng cho thuê), tạm phân chia lợi nhuận của Công ty, vụ án liên quan đến số tiền vay của V đang bị cơ quan Công an điều tra...và Hội đồng thành viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tạm nhận trước phần lợi nhuận này, và cam kết tất cả các khoản tạm nhận hàng tháng này sẽ được hoàn trả lại Công ty nếu có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để xử lý công việc chung của công ty*”.

Các thành viên khác đã được tạm nhận trước phần lợi nhuận của mình theo biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 10 tháng 3 năm 2020. Do đó, yêu cầu của bà G về việc Công ty A phải thanh toán số tiền “*tạm nhận trước phần lợi nhuận trên số vốn góp*” từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023 là có căn cứ chấp nhận và khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì bà G phải có trách nhiệm giao lại “*số tiền tạm nhận trước phần lợi nhuận trên số vốn góp*” cho Công ty A thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, người bị kiện cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đang thụ lý giải quyết vụ án Dân sự và Kinh doanh thương mại có liên quan đến bà G, nên khi cần thiết người bị kiện có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để giữ lại số tiền bà G được chia tại vụ án này, việc yêu cầu này không làm mất đi quyền lợi của Công ty A.

[3] Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn và bị đơn đều phải nộp mỗi người là 2.000.000 đồng, được khấu trừ từ 2.000.000 đồng nguyên đơn và bị đơn đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011659 ngày 19 tháng 9 năm 2023 (do ông Hà Ngọc T nộp) và số 0011660 ngày 20 tháng 9 năm 2023 (do ông Bùi Tiến M nộp) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 68, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 62 của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim G về việc yêu cầu ông Lê Văn B phân chia lợi nhuận phần vốn góp của bà Phạm Thị Ái L trong Công ty TNHH A (Công ty A) từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim G đối với Công ty TNHH A về việc thanh toán phần lợi nhuận vốn góp từ tháng 09 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023.

Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho bà Phạm Thị Kim G số tiền 1.320.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn đều phải nộp mỗi người là 2.000.000 đồng, được khấu trừ từ 2.000.000 đồng mỗi người đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011659 ngày 19 tháng 9 năm 2023 do ông Hà Ngọc T nộp và số 0011660 ngày 20 tháng 9 năm 2023 do ông Bùi Tiến M nộp của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (6);
- Lưu HS (3), VT (2), 25b, (TK-PH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu